

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-PT
Ngày: 22/12/2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Ông Trần Văn Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 25/11 và ngày 22/12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2021/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TD bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2021/QĐPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh BN, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức T1 và bà Nguyễn Thị T2, cùng sinh năm 1971; cùng trú tại: Khu A, phường HL, thành phố BN, tỉnh BN (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn T3, sinh năm 1968; trú tại: Thôn CS, xã VĐ, huyện TD, tỉnh BN (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Ngô Văn T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đức T1, bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Do có quan hệ quen biết nên năm 2019 ông Ngô Văn T3 có hỏi ông T1, bà T2 vay tiền, cụ thể ngày 05/12/2019 dương lịch (tức ngày 10/11/2019 âm lịch), vợ

chồng ông T1, bà T2 cho ông T3 vay số tiền 70.000.000đ, mục đích vay để ông T3 kinh doanh và chăn nuôi, các bên có viết giấy vay tiền, thời hạn vay là 12 tháng. Trong giấy vay tiền không thể hiện lãi suất nhưng khi vay các bên có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất vay là 2%/tháng. Giấy vay tiền là do bà T2 viết, còn ông T3 ký xác nhận. Ông T1, bà T2 đã giao đủ số tiền 70.000.000đ cho ông T3. Thời điểm vợ chồng ông T1, bà T2 cho ông T3 vay tiền thì vợ chồng ông T3 đang sống ly thân nhau.

Từ khi vay tiền, ông T3 đã trả cho ông T1, bà T2 được 05 tháng tiền lãi. Sau đó, ông T3 không trả lãi và gốc cho ông T1, bà T2. Ông T1, bà T2 nhiều lần đòi thì ông T3 nói là đã trả hết tiền gốc và lãi cho ông T1, bà T2. Nay ông T1, bà T2 yêu cầu ông T3 phải trả ông T1, bà T2 số tiền gốc còn nợ là 70.000.000đ và không yêu cầu trả lãi.

Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là: Giấy vay tiền đề ngày 05/12/2019 dương lịch (tức ngày 10/11/2019 âm lịch).

Bị đơn ông Ngô Văn T3 trình bày: Ông xác nhận có ký giấy vay tiền 70.000.000đ của ông T1, bà T2, thời điểm vay ông không nhớ cụ thể. Tuy nhiên, việc ông ký xác nhận nợ của ông T1, bà T2 là do trước đó ông T1 có nhờ ông ký vào giấy vay tiền mục đích là để ông T1 lấy tiền của bà T2 đi buôn hàng Trung Quốc nhưng giấu không cho bà T2 biết. Sau 02 ngày nhận tiền, ông đã đưa hết số tiền cho ông T1. Đến nay, ông khẳng định không còn nợ ông T1, bà T2 số tiền gốc 70.000.000đ. Sau đó, ông T1, bà T2 có đến nhà ông đòi tiền nhiều lần, ông có nói là đã trả hết tiền cho ông T1 rồi, không còn nợ ông T1, bà T2 tiền nữa.

Đối với việc ông T1, bà T2 đưa căn cứ khởi kiện là giấy vay tiền đề ngày 05/12/2019 dương lịch (tức ngày 10/11/2019 âm lịch), ông khẳng định giấy vay tiền này không phải là giấy vay tiền mà ông ký vay của ông T1, bà T2 vì sau khi ông đưa tiền cho ông T1 thì ông T1 đã trả cho ông bản gốc giấy vay tiền và ông đã xé giấy vay gốc đến nay không còn nữa. Ông cho rằng phần chữ ký “T3 - Ngô Văn T3” tại mục “Bên vay” trong giấy vay tiền đề ngày 05/12/2019 dương lịch (tức ngày 10/11/2019 âm lịch) không phải là chữ ký, chữ viết của ông, còn ai ký thì ông không biết. Tuy nhiên ông không có yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của ông trong giấy vay tiền do ông T1, bà T2 cung cấp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T1, bà T2 yêu cầu ông phải trả số tiền gốc còn nợ là 70.000.000đ, không yêu cầu trả lãi ông không đồng ý vì ông không còn nợ tiền ông T1, bà T2. Ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm đã áp dụng các Điều 26, 35, 39, 97, 98, 201, 203, 208, 209, 220, 235, 264, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 278, 279, 280, 351, 358 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T1 và bà Nguyễn Thị T2. Buộc ông Ngô Văn T3 phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Đức T1, bà Nguyễn Thị T2 số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/7/2021, ông Ngô Văn T3 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử sửa bản án sơ thẩm về việc áp dụng pháp luật theo hướng không áp dụng Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 279, 358 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự. Ông T3 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Ngô Văn T3 nộp trong hạn luật định là hợp lệ, được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Ngày 05/12/2019 (tức 10/11 âm lịch), ông Nguyễn Đức T1 và bà Nguyễn Thị T2 cho ông Ngô Văn T3 vay số tiền 70.000.000 đồng. Mục đích ông T1, bà T2 cho ông T3 vay tiền để kinh doanh và chăn nuôi, thời hạn vay là 12 tháng, các bên không thỏa thuận về lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng về việc trả lãi là 2%/tháng, ông T3 đã ký xác nhận tại giấy vay tiền. Kể từ ngày 12/4/2020 (âm lịch) ông T3 không thực hiện nghĩa vụ trả lãi và không thanh toán tiền vay cho ông T1, bà T2 nên ông T1 bà T2 đã khởi kiện yêu cầu ông T3 phải trả cho ông bà số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Ngô Văn T3 kháng cáo bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của ông Ngô Văn T3, Hội đồng xét xử thấy: Ông Ngô Văn T3 thừa nhận có ký giấy vay số tiền 70.000.000 đồng của ông T1, bà T2. Sau đó, ông đã nhận số tiền 70.000.000 đồng từ bà T2. Nhưng ông cho rằng việc ông vay tiền và ký giấy vay tiền là do ông T1 nhờ đứng ra vay hộ để ông T1 lấy tiền làm vốn kinh doanh; sau khi ông nhận tiền từ bà T2, ông đã đưa lại cho ông T1, những tháng đầu ông đều nhận tiền lãi từ ông T1 để trả cho bà T2 sau đó ông không trả hộ ông T1 nữa. Ông T1 đã đưa giấy vay tiền cho ông và ông đã vớt đi nên giấy vay tiền mà ông T1, bà T2 xuất trình cho Tòa là giả mạo, không phải chữ ký của ông. Tuy nhiên, ông T3 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông ký giấy vay tiền là để vay hộ ông T1 và ông đã đưa lại số tiền trên cho ông T1. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, Tòa án đã giải thích về quyền yêu cầu trưng cầu giám định đối với chữ ký của ông T3 trong giấy vay tiền nhưng ông T3 không có ý kiến gì. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/11/2021, ông T3 đề nghị Hội đồng xét xử trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông T3 trên giấy vay tiền ngày 05/12/2019. Tại bản kết luận giám định số 172/KLGĐTL-PC09 ngày 13/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh BN kết luận: Chữ ký, chữ viết T3 - Ngô Văn T3 tại mục người vay trên giấy vay tiền ngày 05/12/2019 so với chữ ký, chữ viết của Ngô Văn T3 trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra. Như vậy, bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T3 phải có trách nhiệm thanh toán trả ông T1, bà T2 số tiền 70.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật. Do đó, kháng cáo của ông Ngô Văn T3 không có cơ sở chấp nhận.

Trong vụ án này, bản án sơ thẩm áp dụng Điều 279 Bộ luật dân sự về “Thực hiện nghĩa vụ giao vật” và Điều 358 Bộ luật dân sự quy định về “Trách nhiệm do không thực hiện hoặc không được thực hiện một công việc” là không phù hợp để giải quyết vụ án về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ngoài ra, vụ án không có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không đương sự nào có yêu cầu độc lập nhưng bản án sơ thẩm áp dụng Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự là không phù hợp. Bản án không tuyên đương sự phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 là có thiếu sót. Do đó cần sửa bản án sơ thẩm, tuy nhiên cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc áp dụng pháp luật.

[3]. Về án phí: Ông Ngô Văn T3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Ngô văn T3 phải chịu chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 278, 280, 357, 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T1 và bà Nguyễn Thị T2. Buộc ông Ngô Văn T3 phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Đức T1 và bà Nguyễn Thị T2 số tiền 70.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Ngô Văn T3 phải chịu 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông T3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm (xác nhận ông T3 đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu 0002650 ngày 28/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du).

Trả lại cho ông T1, bà T2 số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.750.000đ theo biên lai thu số AA/2019/0002581 ngày 28/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TD, tỉnh BN.

Về chi phí giám định: Ông Ngô văn T3 phải chịu 3.000.000đ tiền chi phí giám định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BN;
- TAND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính

